

KINH TẾ VĨ MÔ

DỰ ÁN HỖ TRỢ NÂNG CAO NĂNG LỰC THAM MƯU, THẨM TRA VÀ GIÁM SÁT CHÍNH SÁCH KINH TẾ VĨ MÔ

● SỐ 10 - QUÝ I/2014

KINH TẾ THẾ GIỚI

- Sau 3 quý đầu năm ít khởi sắc, tình hình kinh tế thế giới đã có những tín hiệu tích cực vào quý IV/2013 và tiếp tục xu hướng hồi phục vào quý I/2014.
- Kinh tế Mỹ phục hồi chậm trong quý III, khởi sắc mạnh mẽ vào quý IV/2013 và tiếp tục tăng trưởng quý I/2014.
- Tình hình kinh tế EU bắt đầu chuyển biến tháng 12/2013 và tiếp tục phục hồi vào quý I/2014.
- Nỗ lực của Ngân hàng Nhật Bản để đạt được mục tiêu lạm phát và khắc phục tình trạng giảm phát kéo dài từ nhiều năm trước đã có kết quả. Thị trường tài chính và xuất khẩu của Nhật Bản cũng có những tín hiệu phục hồi đà tăng trưởng.
- Kinh tế Trung Quốc và khối ASEAN cũng đang nỗ lực thoát khỏi đà suy giảm.
- Kinh tế các nước châu Phi cận Sahara tương đối sáng sủa trong khi các nền kinh tế Trung Đông và Bắc Phi vẫn tiếp tục đối diện với nhiều thách thức.

KINH TẾ VIỆT NAM

- Kinh tế Việt Nam trong nửa cuối năm 2013 và đầu năm 2014 đã có những dấu hiệu hồi phục ban đầu, tiếp tục tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô: tăng trưởng kinh tế có chiều hướng cải thiện, lạm phát được kiềm chế ở mức thấp, cán cân tài khoản thanh toán đã được cải thiện đáng kể theo hướng thặng dư.
- Tuy nhiên, mức tăng trưởng của nền kinh tế vẫn thấp so với dự báo, các chính sách triển khai vẫn chậm, tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi từ nửa cuối năm 2013 đều tăng nhẹ.
- Giải pháp chủ yếu cho năm 2014 là tiếp tục đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế; sắp xếp lại các thị trường đầu vào quan trọng với cơ chế điều tiết và giám sát phù hợp; và cần có nhóm chính sách trung và dài hạn để tận dụng các cơ hội từ các khu vực tự do mậu dịch (FTA) - trong đó có TPP và FTA với EU và Chiến lược Trung Quốc +1 của các tập đoàn đa quốc gia.

ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI Dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô”

37 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

Trưởng Ban chỉ đạo:

Nguyễn Văn Giàu - Chủ nhiệm UBKT
Ban Quản lý Dự án:

Giám đốc - Nguyễn Văn Phúc
Phó chủ nhiệm UBKT

Phó Giám đốc - Nguyễn Minh Sơn
Vụ trưởng Vụ Kinh tế, VPQH

Quản đốc - Nguyễn Trí Dũng

Chủ trì biên soạn:

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC
XÃ HỘI VIỆT NAM**

1 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

GIỚI THIỆU

Dự án “**Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô**” do Ủy ban Kinh tế của Quốc hội chủ trì thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP). Mục tiêu của Dự án là nâng cao năng lực các cơ quan tham mưu, thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô thông qua các hoạt động: (i) tập huấn/đào tạo nâng cao năng lực; (ii) thực hiện nghiên cứu, đối thoại chính sách về những vấn đề kinh tế vĩ mô; (iii) tăng cường và thể chế hóa cơ chế phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan thụ hưởng dự án, bao gồm Ủy ban Kinh tế của Quốc hội, Văn phòng Trung ương Đảng, Ban Kinh tế Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Chủ tịch nước, Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

Hỗ trợ thực hiện Dự án là mạng lưới các Viện, Trường, Trung tâm nghiên cứu kinh tế, bao gồm Viện Kinh tế Việt Nam, Trung tâm Phân tích và Dự báo (thuộc Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam), Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương (CIEM), Đại học Kinh tế (thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội), Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội quốc gia (thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư), Trung tâm Nghiên cứu chính sách và phát triển (DEPOCEN - Trung tâm nghiên cứu độc lập) và Nhóm tư vấn chính sách kinh tế vĩ mô (MAG).

Bản tin Kinh tế vĩ mô là một trong những sản phẩm quan trọng của Dự án, được thực hiện trong khuôn khổ phối hợp giữa Dự án và Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam với mục đích cung cấp những phân tích, đánh giá tóm lược về xu hướng và những động thái chủ yếu của kinh tế thế giới cũng như cập nhật tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam. Đối tượng phục vụ chính của Bản tin Kinh tế vĩ mô là các cơ quan thụ hưởng Dự án, các Đại biểu Quốc hội, nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách kinh tế vĩ mô.

**TÌNH HÌNH
CHUNG**

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NỬA CUỐI NĂM 2013 VÀ QUÝ I/2014

Trái với kỳ vọng từ đầu năm về bước phục hồi mạnh mẽ trong năm 2013, nền kinh tế thế giới chỉ có những tín hiệu tích cực vào quý IV, sau 3 quý đầu năm với rất ít diễn biến khởi sắc. Sang quý I năm 2014, các nền kinh tế lớn trên thế giới tiếp tục xu hướng phục hồi mặc dù không đồng đều. Bản đánh giá kinh tế tạm thời của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) trong tháng 3/2014 đã bày tỏ lo ngại về các nền kinh tế mới nổi chiếm hơn một nửa quy mô của kinh tế thế giới song có hiệu suất kinh tế ngày càng giảm khiến cho tăng trưởng của kinh tế toàn cầu vẫn chỉ ở mức vừa phải trong tương lai gần, mặc dù hầu hết các nền kinh tế phát triển phục hồi khá tốt.

Bảng 1. Tình hình tăng trưởng kinh tế thế giới

	<i>Quý IV/2013</i>	<i>Cả năm 2013</i>	<i>Dự báo 2014</i>
GDP thế giới (tốc độ tăng trưởng: %)	3,3	3,0	3,7
Các nước phát triển	2,0	1,3	2,2
<i>Mỹ</i>	2,5	1,9	2,8
<i>Nhật Bản</i>	3,1	1,7	1,7
<i>Khu vực đồng Euro</i>	0,5	-0,4	1,0
Các nước đang phát triển và mới nổi	4,8	4,7	5,1
Các nước đang phát triển châu Á	6,4	6,5	6,7
<i>Trung Quốc</i>	7,8	7,7	7,5
<i>ASEAN-5</i>	4,0	5,0	5,1
Thương mại thế giới (tốc độ tăng trưởng: %)	-	2,7	4,5
Giá hàng phi nhiên liệu (% tăng tính theo USD)	-3,8	-1,5	-6,1

Nguồn: Ước tính và dự báo của IMF (Tháng 1/2014).

Kinh tế Mỹ

Kinh tế Mỹ phục hồi chậm trong quý III và chỉ khởi sắc mạnh mẽ vào quý IV với mức tăng trưởng chính thức (so với cùng kỳ 2012) lên tới 3,2%¹, nhờ cả tăng tiêu dùng, đầu tư máy móc và xuất khẩu. Trong tháng 12, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định thu hẹp gói kích thích tiền tệ trị giá 85 tỷ USD mỗi tháng, là dấu hiệu của “tăng trưởng đang tăng và tỷ lệ thất nghiệp đang giảm dần”². Tuy vậy, rủi ro ngân sách và nợ công vẫn còn hiện hữu, đi kèm với những bất ổn chính trị trong nước đã làm ảnh hưởng đáng kể đến chính sách tài khóa của Mỹ.

Sang quý I năm 2014, sau khi tạm thời bị tác động tiêu cực bởi điều kiện thời tiết khắc nghiệt, nền kinh tế Mỹ đã lấy lại động lực tăng trưởng. Do vậy nên tại cuộc họp vào tháng 3/2014, Cục dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định tiếp tục thu hẹp chương trình mua tài sản (QE3) mỗi tháng từ mức 65 tỷ USD hiện nay xuống còn 55 tỷ USD. Gói nới lỏng định lượng

¹ Báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ.

² Trích dẫn nhận định của Tổng giám đốc Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF).

có thể chấm dứt vào cuối năm nay và sau đó lãi suất có thể sẽ tăng vào khoảng mùa xuân năm 2015, sớm hơn so với dự kiến của các nhà phân tích. Những động thái này tiếp tục tác động đến sự tăng giá của đồng USD.

Kinh tế EU

Tình hình kinh tế EU bắt đầu chuyển biến từ tháng 12 dù chưa thực sự bền vững. Cụ thể, tỷ lệ thất nghiệp bất ngờ giảm nhẹ xuống còn 12,1% từ mức kỷ lục 12,2% trong tháng 11³; lạm phát vẫn duy trì ở mức thấp nhưng đã cao hơn so với tháng trước⁴; Ireland đã thoát ra khỏi khủng hoảng nợ, tình hình Tây Ban Nha cải thiện nhiều. Tuy nhiên, khu vực này vẫn phải đối mặt với các khó khăn như hoạt động sản xuất sụt giảm⁵, lạm phát thấp hơn so với mục tiêu (của Ngân hàng Trung ương châu Âu), tỷ lệ thất nghiệp còn ở mức cao.

Sang quý I năm 2014, tình hình kinh tế khối EU tiếp tục phục hồi. Nhờ vậy nên trong tháng 3/2014, hãng xếp hạng tín nhiệm Moody's đã nâng mức xếp hạng triển vọng tín nhiệm đối với Liên minh châu Âu (EU) từ tiêu cực lên "ổn định" do tình hình tài chính công của các nước thành viên cải thiện.

Kinh tế Nhật Bản

Chỉ số giá tiêu dùng của Nhật Bản tháng 11 tăng 1,1% so với năm trước - kết quả tích cực bước đầu cho nỗ lực của Ngân hàng Nhật Bản để đạt được mục tiêu lạm phát 2%⁶ và khắc phục tình trạng giảm phát kéo dài từ nhiều năm nay. Chỉ số Nikkei tiếp tục tăng cao nhất kể từ tháng 12 năm 2007⁷, cho thấy thị trường Nhật Bản đang phục hồi từ sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Xuất khẩu của nước này cũng tăng trong tháng thứ 9 liên tiếp nhờ gia tăng xuất khẩu xe hơi. Sự suy yếu của đồng Yên và tổng cầu thế giới phục hồi là động lực giúp nền kinh tế Nhật Bản tăng trưởng. Niềm tin kinh doanh của các nhà sản xuất lớn ở Nhật Bản đã tăng lên mức cao nhất trong 6 năm, đạt 16 điểm vào Quý IV, tăng 4 điểm so với Quý III⁸. Tuy nhiên, nền kinh tế này vẫn gặp phải một số vấn đề như thâm hụt thương mại ngày càng lớn, với tác động tiêu cực lên cán cân thanh toán quốc tế, cũng như khả năng phải cắt giảm mạnh chi tiêu của Chính phủ Nhật Bản, nhất là kể từ sau năm tài khóa 2015⁹.

Sang quý I năm 2014, kinh tế Nhật Bản vẫn duy trì được xu hướng tăng chỉ số giá tiêu dùng, tăng sản lượng công nghiệp mặc dù tốc độ tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu chậm lại. Một dấu hiệu tích cực khác là việc tăng lương của các công ty lớn - đây là yếu tố quan trọng đối với những nỗ lực thúc đẩy chỉ tiêu tiêu dùng.

³ Theo Cơ quan thống kê của EU (Eurostat).

⁴ Giá tiêu dùng của khu vực đồng Euro tăng 0,9% so với cùng kỳ năm trước trong tháng 11, sau khi tăng 0,7% trong tháng 10, theo cơ quan thống kê Eurostat. Lạm phát của cả EU đứng ở mức 1% trong tháng 11, cao hơn mức 0,9% của tháng 10, www.europolitics.info/...monetary.../inflation-remains-min.

⁵ Theo Eurostat, trong tháng 10, sản lượng công nghiệp của 17 quốc gia khu vực đồng Euro đã giảm 1,1% so với tháng 9. Trong khi đó, sản lượng công nghiệp của 28 nước thành viên Liên minh châu Âu (EU) giảm 0,7%, sau khi tăng 0,1% trong tháng 9.

⁶ <http://www.reuters.com/article/2013/12/20/us-japan-economy-prices-idUSBRE9BJ0EY20131220>

⁷ Ngày 20/12, đồng Yên giảm xuống mức kỷ lục so với đồng USD sau khi FED cắt giảm gói kích thích kinh tế QE3. Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/12, chỉ số Nikkei 225 của Nhật Bản tăng 271,42 điểm (+1,74%), đạt 15.859,22 điểm

⁸ Theo khảo sát Takan ngày 16/12

⁹ Chính phủ Nhật Bản có kế hoạch tăng chi tiêu cho các công trình công cộng và các lĩnh vực như quốc phòng, giáo dục và an sinh xã hội. Trong năm tài khóa 2014, chính phủ Nhật Bản hy vọng sẽ duy trì mức phát sinh nợ thấp so với năm trước trong khi khoản thu từ thuế dự kiến sẽ tăng nhờ phục hồi kinh tế và lộ trình tăng thuế theo kế hoạch

Kinh tế Trung Quốc

Tại Trung Quốc, Hội nghị công tác kinh tế Trung ương diễn ra từ ngày 10-13/12/2013 đưa ra những tín hiệu mới, với điểm sáng lớn nhất là tiến hành cải cách sâu rộng toàn diện. Cải cách vẫn là động lực cho sự phát triển và quan điểm chủ đạo của công tác kinh tế trong năm 2014 sẽ là “tiến lên trong ổn định, cải cách sáng tạo” với hai nội dung chính là cải cách và rủi ro. Hội nghị đưa ra 6 nhiệm vụ kinh tế lớn trong năm 2014 là: (1) Đảm bảo an ninh lương thực quốc gia; (2) Điều chỉnh cơ cấu ngành nghề; (3) Phòng chống và kiểm soát rủi ro nợ; (4) Thúc đẩy phối hợp giữa các vùng miền; (5) Bảo đảm và cải thiện dân sinh; và (6) Nâng cao trình độ mở cửa đối ngoại.

Chiến lược đảm bảo an ninh lương thực của Trung Quốc hiện đi theo một lộ trình mới, chú trọng phát triển bền vững, chuyển đổi phương thức phát triển nông nghiệp. Theo đó, Trung Quốc nhấn mạnh yêu cầu đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, nhất là trên phương diện an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo vệ môi trường sinh thái. Mặt khác, Trung ương Đảng Trung Quốc đưa ra “Nhận thức toàn diện quan hệ tăng trưởng GDP và phát triển lành mạnh bền vững”, trong đó gắn tăng trưởng GDP với yêu cầu nâng cao chất lượng và hiệu quả phát triển kinh tế. Hội nghị đề ra mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2014 là 7,5%, đồng thời thúc đẩy điều chỉnh kết cấu kinh tế, giải quyết vấn đề dư thừa sản lượng, phòng ngừa rủi ro nợ.

Sang quý I năm 2014 có một số diễn biến đáng quan tâm liên quan đến giá trị đồng tiền của nước này. Cụ thể, trong tháng 3/2014, giá đồng Nhân dân tệ (NDT) so với đồng USD đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 11 tháng liền kề trước đó sau khi Ngân hàng Trung ương Trung Quốc chính thức mở rộng biên độ của tỷ giá NDT từ 1% đến 2%. Trong thời gian tới, xu hướng biến động tỷ giá của đồng NDT so với đồng USD sẽ ngày càng trở nên khó dự đoán.

Kinh tế các nước ASEAN-5

Số liệu thống kê vào tháng 12 cho thấy tốc độ tăng GDP của Indonesia giảm xuống 5,7% (so với dự báo đầu năm là 6,4%); tốc độ tăng GDP của Malaysia và Thái Lan lần lượt là 4,3% và 3,8% (so với mức đầu năm là 5,3% và 4,9%). Điều này là do các thị trường lớn như Mỹ, EU và các nền kinh tế mới nổi đã không phục hồi nhanh như kỳ vọng. Chỉ có kinh tế Philippines đạt mức tăng trưởng cao hơn so với dự báo đưa ra từ đầu năm¹⁰, nhờ tăng nhu cầu tiêu dùng và đầu tư trong nước. Đối với nhiều nước khác trong khu vực, tình hình xuất khẩu vẫn trì trệ do các thị trường bên ngoài chưa phục hồi hoàn toàn. Nhu cầu của thế giới về các mặt hàng như dầu cọ và cao su tự nhiên suy giảm, gây ảnh hưởng mạnh đến các nền kinh tế trong khu vực. Các mặt hàng xuất khẩu như than đá và đồng của Indonesia, gạo của Thái Lan và mặt hàng điện tử của Malaysia và Thái Lan cũng bị tác động. Xuất khẩu suy yếu cùng với những bất ổn kinh tế và tài chính toàn cầu cũng góp phần làm suy giảm đầu tư, đặc biệt ở Thái Lan và Singapore.

¹⁰ Theo đánh giá cập nhật của ADB, tăng trưởng cả năm của Philippine đạt 7%, cao hơn mức 6,2% dự báo từ đầu năm.

Kinh tế các nước châu Phi cận Sahara, Trung Đông và Bắc Phi

Trong số các nền kinh tế đang phát triển, kinh tế khu vực châu Phi cận Sahara được đánh giá tương đối sáng sủa trong năm 2013 với tăng trưởng GDP ước đạt 4,7%, so với mức 4% năm 2012 do tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ ở các nước có đầu tư cơ sở hạ tầng, năng lượng, các dự án tài nguyên thiên nhiên (Ghana, Mozambique, Niger, Sierra Leone). Tuy nhiên, kinh tế châu Phi hiện vẫn phụ thuộc nhiều vào nguồn đầu tư của các nền kinh tế mới nổi vào các lĩnh vực hạ tầng, thương mại và đầu tư. Việc giảm giá hàng hóa trên thế giới gần đây có thể làm trì hoãn đầu tư khai thác khoáng sản ở một số nước như Guinea, tăng trưởng trung hạn ở một số quốc gia xuất khẩu tài nguyên cũng sẽ bị ảnh hưởng bởi suy giảm tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc. Đặc biệt, biến động thị trường tài chính toàn cầu gần đây đã làm ảnh hưởng đến một số nền kinh tế trong khu vực; chẳng hạn, đồng tiền của Nigeria và Nam Phi suy yếu so với đồng USD.

Khu vực Trung Đông và Bắc Phi (MENA) tiếp tục gặp khó trong quá trình chuyển đổi chính trị trong năm 2013. Tỷ lệ thất nghiệp trong khu vực vẫn ở mức cao, kinh tế suy yếu và bất ổn chính trị đã có tác động tiêu cực đến đầu tư trong và ngoài nước, cũng như tới thị trường lao động. Tăng trưởng của MENA dự kiến chỉ đạt 2,8% trong năm 2013, nhưng sẽ phục hồi ở mức 4% trong năm 2014¹¹. Suy giảm tăng trưởng năm 2013 chủ yếu do khó khăn trong xuất khẩu dầu, đặc biệt là Libya, Iran và Syria, cũng như tác động lan tỏa từ cuộc xung đột Syria đối với Lebanon và Iraq. Các nền kinh tế chuyển đổi như Ai Cập và Tunisia cũng sẽ tăng trưởng tương đối chậm. Thách thức chính của khu vực là tạo ra tăng trưởng bền vững với việc làm đủ cả về số lượng và chất lượng, cũng như duy trì ổn định chính trị để tạo thuận lợi cho phát triển kinh tế.

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUAN

“Kinh tế thế giới đang cải thiện nhưng ẩn chứa nhiều rủi ro”. Đó là nhận định trong Báo cáo tình hình và triển vọng kinh tế thế giới năm 2014 của Liên Hợp Quốc công bố ngày 18/12/2013¹². Theo đó, tốc độ tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ cải thiện trong vòng hai năm tới và có thể đạt mức 3% trong năm 2014 và 3,3% trong năm 2015, cao hơn so với mức 2,1% trong năm 2013. Việc khu vực đồng Euro bước ra khỏi thời kỳ suy thoái kéo dài, kinh tế Mỹ cũng như một số nền kinh tế lớn như Nhật Bản, Trung Quốc, v.v... đang hồi phục là những động lực kích thích kinh tế thế giới tăng trưởng. Tuy nhiên, kinh tế thế giới còn tiềm ẩn nhiều rủi ro như thị trường việc làm, các luồng lưu chuyển vốn quốc tế đến các nền kinh tế mới nổi còn bất định, hệ thống ngân hàng còn yếu, thực lực kinh tế của khu vực đồng Euro chưa ổn định, bất đồng nội bộ nước Mỹ về các vấn đề liên quan đến ngân sách và trần nợ, căng thẳng chính trị ở Tây Phi, Trung Đông - Bắc Phi v.v...

¹¹ <http://www.worldbank.org/en/region/mena/overview>

¹² <http://www.vietnamplus.vn/kinh-te-the-gioi-dang-cai-thien-song-an-chua-nhieu-rui-ro/235967.vnp>

II. TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM NỬA CUỐI NĂM 2013 VÀ QUÝ I NĂM 2014

Tăng trưởng kinh tế

Trong nửa cuối năm 2013, ổn định kinh tế vĩ mô vẫn được coi là ưu tiên hàng đầu, dù Chính phủ nỗ lực tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thông qua thúc đẩy tín dụng, xử lý nợ xấu, miễn giảm và giãn thuế v.v... Trong bối cảnh ấy, tăng trưởng kinh tế có chiều hướng cải thiện so với cùng kỳ năm trước (theo giá so sánh năm 2010). Trong quý III và quý IV năm 2013, tốc độ tăng trưởng (so với cùng kỳ năm 2012) lần lượt đạt 5,54% và 6,04%, cao hơn không đáng kể so với mức tăng của năm 2012 (5,25%) và thấp hơn rất nhiều so với năm 2011 (6,24%). Tốc độ tăng trưởng trong quý III và quý IV cũng cao hơn rõ rệt so với 6 tháng đầu năm (4,9%), dù diễn biến tăng này phần nào còn mang tính chất mùa vụ. Đáng lưu ý, tốc độ tăng trưởng năm 2013 có sự đóng góp rất lớn từ khu vực dịch vụ, với mức đóng góp khoảng 2,71 điểm phần trăm trong 9 tháng đầu năm và khoảng 3,18 điểm phần trăm trong quý IV. Đây là điểm rất khác so với hai năm 2011 và 2012 khi mà tăng trưởng kinh tế có đóng góp chủ yếu từ khu vực công nghiệp và xây dựng.

Bảng 2. Tăng trưởng kinh tế Việt Nam trong năm 2013 (theo giá năm 2010)

	<i>So với cùng kỳ 2012</i>			
	<i>6 tháng đầu năm</i>	<i>Quý III</i>	<i>Quý IV</i>	<i>Cả năm 2013</i>
Toàn nền kinh tế	4,90	5,54	6,04	5,42
<i>Nông, lâm nghiệp và thủy sản</i>	2,07	2,99	3,31	2,67
<i>Công nghiệp và xây dựng</i>	5,18	5,23	5,90	5,43
<i>Dịch vụ</i>	5,92	6,78	7,21	6,56

Nguồn: Tổng cục Thống kê (2014).

Dù còn thấp hơn kỳ vọng, song có thể nói tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2013 bước đầu có những dấu hiệu phục hồi. Kết quả này là do đà suy giảm cầu nội địa đã bị chặn đứng và đang dần hồi phục dưới tác động cộng hưởng tích cực của việc triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán Ngân sách Nhà nước năm 2013 cũng như Nghị quyết 02/NQ-CP về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu. Đáng lưu ý, tốc độ tăng của tổng cầu trong nước đã được cải thiện rõ rệt từ mức 4,25% năm 2012 lên tới mức 5,39% năm 2013.

Sang quý I năm 2014, tăng trưởng kinh tế tiếp tục có những dấu hiệu hồi phục tích cực. Cụ thể, tăng trưởng kinh tế quý I/2014 đạt mức tăng 4,96% so với cùng kỳ năm trước (cao hơn hẳn so với mức tăng trưởng kinh tế cùng kỳ 4,76% của quý I/2013 và trước đó là 4,75% của quý I/2012). Động lực chính thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong quý I/2014 là sự hồi phục

mạnh mẽ của nhóm ngành dịch vụ với tốc độ tăng trưởng giá trị gia tăng ở mức khá cao là 5,95% nếu so với mức tăng trưởng dịch vụ cùng kỳ 4,68% của quý I/2013 và mức tăng 4,99% của quý I/2012. Bên cạnh đó, còn phải ghi nhận sự hồi phục của ngành công nghiệp - xây dựng (chủ yếu là ngành công nghiệp chế biến, đặc biệt là của khu vực FDI) với tốc độ tăng trưởng quý I/2014 là 4,69%, so với 4,59% của quý I/2013. Ngay cả khu vực nông - lâm nghiệp - thủy sản cũng đang có dấu hiệu được cải thiện hơn so với cùng kỳ năm trước, tốc độ tăng trưởng quý IV/2013 là 3,31% so với quý III/2013 là 2,99%.

Có thể đánh giá những mặt được và chưa được trong việc xây dựng và triển khai thực hiện hai Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP để từ đó rút ra các bài học cho thời gian sắp tới như sau:

a) Ưu điểm: Việc xây dựng, ban hành và triển khai các Nghị quyết số 01/NQ-CP và 02/NQ-CP đạt được cả tính kịp thời, tính đồng bộ, toàn diện cũng như tính khả thi của nhiều biện pháp trong đó.

Thứ nhất, các Nghị quyết đưa ra từ đầu năm là khá kịp thời, phù hợp với tình hình kinh tế trong nước. Việc kiềm chế lạm phát thành công trong năm 2012 tạo tiền đề để Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tiếp tục điều hành theo hướng hạ lãi suất và ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối, trong khi Bộ Tài chính có cơ sở để giảm thuế thu nhập doanh nghiệp và điều chỉnh/tự do hóa giá một số mặt hàng thiết yếu mà ít phải lo ngại rủi ro lạm phát trong năm 2013. Quan trọng hơn, tại thời điểm các thành viên thị trường đang mong đợi những thông tin rõ ràng, minh bạch về định hướng điều hành chính sách vào đầu năm 2013, việc kịp thời ban hành các Nghị quyết nói trên đã giúp tạo dựng đáng kể niềm tin cho thị trường.

Thứ hai, các biện pháp đưa ra trong các Nghị quyết khá đồng bộ và toàn diện trong việc khắc phục những điểm yếu và nút thắt của nền kinh tế như hỗ trợ thị trường, giải quyết hàng tồn kho và giảm nợ xấu. Các biện pháp này cũng hỗ trợ khá hiệu quả và nhất quán với các định hướng lớn như tái cơ cấu tổng thể nền kinh tế và tái cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại. Có được kết quả này xuất phát từ nỗ lực tham vấn thường xuyên đối với các thành viên thị trường cũng như các chuyên gia kinh tế.

Thứ ba, tính đến cuối năm 2013, nhiều giải pháp quan trọng đề ra trong các Nghị quyết đều thực hiện kiên định trong một thời gian đủ dài và phát huy hiệu quả khá tốt như giảm thuế, hạ lãi suất, hỗ trợ thị trường. Nhờ đó, nền kinh tế dần chuyển biến theo chiều hướng khả quan: tốc độ tăng trưởng phục hồi ở mức độ hợp lý; số doanh nghiệp phá sản, giải thể và tạm ngừng sản xuất kinh doanh giảm dần và số doanh nghiệp đăng ký kinh doanh tăng dần; niềm tin của nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục được củng cố với quy mô vốn thực hiện khá ổn định. Đây chính là cơ sở cho niềm tin về triển vọng tiếp tục phục hồi kinh tế trong năm 2014.

Thứ tư, các bộ, ngành đã triển khai thực hiện các Nghị quyết với tinh thần phối hợp, thông tin kịp thời và tính nhất quán khá cao. Ưu tiên ổn định kinh tế vĩ mô tiếp tục được duy trì với nỗ lực thúc đẩy tín dụng và đầu tư công ở mức hợp lý, ổn định tỷ giá, v.v... Trong khi đó, nỗ lực tháo

gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh có sự tham gia phối hợp tích cực của các Bộ liên quan. Với lĩnh vực bất động sản, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bộ Xây dựng đã tích cực đề xuất, triển khai và nói lỏng điều kiện tham gia gói tín dụng 30.000 tỷ đồng nhằm hỗ trợ các dự án nhà ở xã hội. Sự chủ động thông tin của các bộ, ngành cũng góp phần đáng kể hạn chế các đồn đoán trên thị trường, qua đó nâng cao hiệu quả phối hợp thực thi chính sách.

b) Nhược điểm: Quá trình triển khai các Nghị quyết 01/NQ-CP và 02/NQ-CP cho thấy một số biện pháp chậm thực hiện, có biện pháp chưa đủ mạnh, một số thì mang tính hình thức và rất khó đánh giá tác động của chúng.

Thứ nhất, một số biện pháp trong các Nghị quyết chậm triển khai, vì thế ảnh hưởng đến tốc độ phục hồi của nền kinh tế trong năm 2013. Chẳng hạn, công tác xử lý nợ xấu gặp nhiều chậm trễ trong quá trình đánh giá thực trạng tài sản đảm bảo, nguồn gốc pháp lý, giá trị thị trường và khả năng thanh khoản của các tài sản này v.v... Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC) được thành lập từ tháng 6, song phải đến tháng 7 mới khai trương và đến tháng 10 mới có giao dịch mua lại nợ xấu đầu tiên. Tương tự, việc triển khai giải ngân gói hỗ trợ thị trường bất động sản 30.000 tỷ đồng diễn ra với một tốc độ rất chậm do đi kèm với nhiều thủ tục khó khăn và sự thiếu tin tưởng của các ngân hàng thương mại đối với khách hàng mua nhà ở xã hội¹³ v.v...

Thứ hai, một số biện pháp trong Nghị quyết 02 chưa đủ mạnh. Chẳng hạn, các biện pháp liên quan đến thuế hướng đến kích thích hoạt động đầu tư của doanh nghiệp, song dự địa miễn giảm thuế không nhiều do các biện pháp này đã phần nào thực hiện từ năm 2012 và do áp lực từ thâm hụt ngân sách. Các biện pháp hỗ trợ thị trường nhằm giảm hàng tồn kho cho doanh nghiệp cũng không đủ mạnh cho dù cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam” được triển khai tích cực, sâu rộng trong tầng lớp nhân dân.

Thứ ba, các biện pháp trong các Nghị quyết vẫn còn mang nặng tính ứng phó “ngắn hạn” với các khó khăn của nền kinh tế, trong khi chưa tạo được động lực và điều kiện cho các cải cách mang tính dài hạn hơn. Đặc biệt, các biện pháp này hướng nhiều hơn đến việc quản lý tổng cầu trong khi thúc đẩy tổng cung thông qua cải cách môi trường kinh doanh, phát triển khoa học - công nghệ v.v... chưa được quan tâm đúng mức.

c) Những bài học rút ra: Một số bài học được rút ra trong quá trình thực hiện Nghị quyết 01/NQ-CP và 02/NQ-CP như sau:

Thứ nhất, các chính sách đưa ra cần có sự kịp thời, bao quát và toàn diện. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý thời lượng và liều lượng thực hiện chính sách nhằm đạt được mục tiêu đề ra. Việc xây dựng và thực thi chính sách kịp thời cần đi kèm với sự “rút dần” kịp thời khỏi các chính sách này khi bối cảnh thay đổi. Trong bối cảnh hiện nay, định hướng nói lỏng chính sách đã rõ hơn với việc thực hiện gói tín dụng 30.000 tỷ đồng hỗ trợ các dự án nhà ở xã hội và giảm lãi suất; tuy nhiên, nếu có những thay đổi như tỷ lệ

¹³ Ví dụ như thủ tục cho vay vốn, các thủ tục xác nhận của cấp cơ sở về thực trạng nhà ở của người muốn mua nhà, các quy định của ngân hàng về vấn đề thu nhập thấp và ổn định v.v...

lạm phát tăng nhanh và thị trường bất động sản nóng dần thì Chính phủ cần cân nhắc điều chỉnh, thậm chí đảo ngược, các giải pháp chính sách. Trong quá trình này, tham vấn và thông tin hai chiều với các thành viên thị trường là một yêu cầu quan trọng.

Thứ hai, nhiều chính sách triển khai chậm và chưa đủ mạnh để tác động đến quyết định đầu tư của doanh nghiệp và quyết định tiêu dùng của người dân cho thấy trong công tác xây dựng và triển khai chính sách cần tính đến các ràng buộc và/hoặc đánh đổi liên quan tới cấu trúc của nền kinh tế và cấu trúc nhóm lợi ích.

■ Chính sách tiền tệ của nước ta trong thời gian hiện nay và sắp tới rất khó nói lỏng để hỗ trợ tổng cầu do nền kinh tế nước ta rất nhạy cảm với lạm phát. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh trong hệ thống ngân hàng thương mại trong cung cấp tín dụng có thể làm gia tăng nợ xấu trong điều kiện nói lỏng chính sách. Vì thế, trong khi các nước khác có thể thực hiện chính sách tiền tệ nói lỏng trong thời điểm nền kinh tế suy yếu thì ở nước ta lại rất khó thực hiện. Trong khi đó, việc giữ ổn định tỷ giá và bình ổn thị trường ngoại hối đã góp phần đáng kể vào kiềm chế lạm phát và bình ổn kinh tế vĩ mô, song lại giảm động lực cho các doanh nghiệp xuất khẩu.

■ Chính sách tài khóa cũng chịu sự ràng buộc bởi những lo ngại về nợ công và thâm hụt ngân sách. Trong năm 2013, chi trả nợ gốc đạt gần 55,6 nghìn tỷ đồng, trong khi phần lãi vay đã vượt 48,1 nghìn tỷ đồng. Theo đó, dư địa cho đầu tư phát triển đã bị thu hẹp đáng kể, qua đó ảnh hưởng đến triển vọng phục hồi kinh tế và thu ngân sách trong các năm tiếp theo.

■ Nhóm lợi ích cũng làm cho việc triển khai các chính sách gặp nhiều khó khăn và cản trở. Chẳng hạn, việc triển khai gói tín dụng 30.000 tỷ đồng hỗ trợ các dự án nhà ở xã hội gặp phải câu hỏi liên quan đến tính minh bạch, tính hướng đích với các nhóm đối tượng phù hợp hay lại đi vào các nhóm lợi ích. Tương tự, hoạt động của công ty VAMC cũng gặp nhiều lo ngại về việc xu hướng ưu tiên mua nợ xấu cho các ngân hàng thương mại nhà nước trong điều kiện nguồn lực có hạn v.v...

Kiểm soát lạm phát

Trong bối cảnh tổng cầu phục hồi chậm, chỉ số lạm phát (so với cùng kỳ năm 2012) có xu hướng giảm gần như liên tục trong nửa cuối năm 2013. Trong quý III/2013, chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng lần lượt khoảng 0,27% trong tháng 7; 0,83% trong tháng 8 và 1,06% trong tháng 9. Theo đó, mức tăng giá tiêu dùng lũy kế trong 9 tháng đầu năm 2013 ước đạt 4,63%. Đến quý IV/2013, mức tăng giá tiêu dùng lần lượt đạt 0,49%; 0,34% và 0,51% trong các tháng 10, 11 và 12. Nhìn chung, mức tăng giá tiêu dùng trong nửa cuối năm 2013 thấp hơn so với cùng kỳ năm 2012, khiến lạm phát (so với cùng kỳ 2012) đã giảm gần như liên tục từ 7,29% vào tháng 7 xuống 6,30% vào tháng 9 và chỉ còn 6,04% vào cuối năm 2013.

Diễn biến tăng giá tiêu dùng trong nửa cuối năm 2013 bắt nguồn chủ yếu từ nguyên nhân chi phí đẩy. Cụ thể, các quyết định điều chỉnh tăng giá xăng dầu, tiền lương, giá điện nước, giá dịch vụ giáo dục và y tế v.v... đã khiến cho chỉ số giá tiêu dùng tăng, dù mức tăng đã chậm hơn nhiều so

với các năm trước. Diễn biến này phản ánh những hạn chế, bất cập trong công tác quản lý và một cơ chế thị trường hoạt động cạnh tranh, hiệu quả. Trên thực tế, nhiều thị trường các hàng hóa thiết yếu (điện, nước, xăng dầu v.v...) còn thiếu tính cạnh tranh trong khi giá cả mặt hàng này được tự do hóa và/hoặc điều chỉnh tăng. Trong khi đó, tổng cầu quá yếu nên ít có tác động đối với lạm phát, ngay cả sau khi Quốc hội phê duyệt đề xuất của Chính phủ về việc nâng trần bội chi ngân sách từ 4,8% GDP lên 5,3% giai đoạn 2013 - 2014 và phát hành bổ sung 170 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ cho giai đoạn 2014 - 2016. Tương tự, tỷ giá VNĐ/USD bình quân liên ngân hàng được điều chỉnh tăng 1% vào cuối tháng 6 và khá ổn định trong các tháng 7-12/2013, qua đó ít gây áp lực đối với lạm phát. Cuối cùng, lạm phát thấp trong nửa cuối năm 2013 còn xuất phát từ diễn biến giá trên thị trường thế giới. Trong giai đoạn này, chỉ số giá xuất khẩu của Việt Nam thực tế chỉ tăng 0,38%, trong khi chỉ số giá nhập khẩu thậm chí còn giảm tương ứng 2,13%.

Sang quý I năm 2014, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) cả nước trong tháng 3/2014 đã giảm 0,44% so với tháng 2, khiến cho tỷ lệ lạm phát trong 3 tháng đầu năm chỉ ở mức rất thấp 0,8%¹⁴. Điều này cho thấy việc đạt mục tiêu lạm phát dưới 7% trong năm 2014 có tính khả thi cao. Tuy nhiên, áp lực lạm phát vẫn còn tiềm ẩn và có thể khiến chỉ số giá tiêu dùng tăng nhanh trở lại nếu thiếu sự lưu tâm đúng mức từ chính sách kinh tế vĩ mô. Cho đến nay, mô hình tăng trưởng kinh tế chưa có nhiều sự chuyển biến và còn dựa đáng kể vào gia tăng nguồn lực, đặc biệt là gia tăng đầu tư. Trong khi đó, các chính sách ít hướng đến phía cung của nền kinh tế trong dài hạn mà tập trung nhiều hơn vào quản lý tổng cầu trong ngắn hạn. Bối cảnh này khiến nền kinh tế luôn phải đối mặt với sự đánh đổi: muốn thúc đẩy tăng trưởng thì phải chấp nhận mức lạm phát cao hơn và ngược lại. Thực tế là sau một thời gian dài lạm phát được kiềm chế ở mức tương đối thấp, chính sách đã hướng nhiều hơn đến thúc đẩy tăng trưởng. Điều này được thể hiện qua đề xuất của Chính phủ về việc nâng trần bội chi ngân sách từ 4,8% GDP lên 5,3% giai đoạn 2013-2014 và phát hành bổ sung 170 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ cho giai đoạn 2014-2016 - được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2013 nhằm tạo thêm nguồn lực cho đầu tư công. Tương tự, việc thúc đẩy tín dụng khá nhanh trong 2 tuần cuối năm 2013¹⁵ trong khi năng lực hấp thụ của nền kinh tế chưa tương ứng có thể để lại hệ lụy đối với lạm phát trong năm 2014. Trên một phương diện khác, giá các mặt hàng thiết yếu được kỳ vọng sẽ tiếp tục điều chỉnh tăng, với tác động đáng kể đối với lạm phát. Do vậy, Chính phủ cần tái khẳng định ưu tiên củng cố ổn định kinh tế vĩ mô thông qua mục tiêu cụ thể (khoảng 7% cho năm 2014) với các biện pháp chính sách kinh tế vĩ mô phù hợp.

¹⁴ Số liệu do TCTK công bố: tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trong quý 1-2014 tăng 10,2% so với cùng kỳ năm trước, loại trừ yếu tố giá còn tăng 5,1%; chỉ số tồn kho thời điểm 1-3-2014 tăng 13,4% so với cùng thời điểm năm trước, thấp hơn mức tăng chỉ số tồn kho thời điểm 1-3-2013 so cùng thời điểm năm 2012 là 16,5%. Có thể thấy, cấu tiêu dùng không hẳn là thấp mà bài toán đặt ra là phải biến nhu cầu thông thường thành nhu cầu có khả năng thanh toán thông qua việc hạ giá thành, kể cả đối với thị trường bất động sản.

¹⁵ Tăng trưởng tín dụng mới chỉ đạt 8,83% vào thời điểm 16/12/2013 so với cuối năm 2012, song con số này đã tăng lên 12,51% vào thời điểm 31/12/2013.

Cán cân thanh toán

Trong năm 2013, cán cân thương mại tiếp tục đạt thặng dư, dù không lớn (khoảng 9,4 triệu USD, bằng 0,007% kim ngạch xuất khẩu). Kết quả này có đóng góp chủ yếu nhờ thặng dư thương mại trong nửa cuối năm 2013, đạt hơn 1,45 tỷ USD và bằng 2,04% xuất khẩu. Một trong những lý giải cho diễn biến này là sự suy giảm tổng cầu trong nước, dẫn đến giảm nhu cầu đối với nhập khẩu. Trên thực tế, giai đoạn khó khăn vừa qua chứng kiến nhiều doanh nghiệp thu hẹp quy mô sản xuất, dẫn đến nhu cầu nhập khẩu thấp. Trong khi đó xuất khẩu vẫn tiếp tục duy trì được tốc độ tăng trưởng, qua đó giúp cán cân thương mại được cải thiện rõ rệt.

Tờ báo Wall Street Journal trong số ra gần đây nhất đã nhận định về sự tỏa sáng của Việt Nam trong việc vẫn đạt được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu cao trong năm 2013 trong bối cảnh xuất khẩu của các nước Đông Nam Á giảm tốc mạnh. Trong thành tích này có sự đóng góp đáng kể của các tập đoàn đa quốc gia dẫn dắt các chuỗi giá trị toàn cầu gần đây đã rút ra khỏi Trung Quốc và Thái Lan để chuyển hướng đầu tư sang Việt Nam. Do các chuỗi giá trị toàn cầu của các tập đoàn đa quốc gia hiện chiếm một tỷ trọng lớn trong thương mại toàn cầu nên việc tham gia mạnh mẽ hơn vào các mạng sản xuất toàn cầu này giúp Việt Nam có thể duy trì được tốc độ tăng trưởng xuất khẩu ấn tượng. Đặc biệt, giá trị xuất khẩu hàng điện tử của Việt Nam đã tăng vọt gần 68% trong năm 2012 và tăng 35% trong năm 2013¹⁶. Xuất khẩu điện thoại tăng 85% và 67% lần lượt trong thời điểm đó. Nhờ đó mà cơ cấu xuất khẩu cũng đã dần thay đổi theo hướng gia tăng tỷ trọng của các sản phẩm chế tạo có giá trị cũng như hàm lượng công nghệ cao hơn và triển vọng tăng trưởng tốt hơn (trong đó có các sản phẩm điện tử, máy văn phòng, thiết bị quang học).

Sang quý I năm 2014, cán cân thương mại thặng dư khoảng 1 tỷ USD; trong đó tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 33,34 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước. Tổng kim ngạch nhập khẩu đạt khoảng 32,34 tỷ USD; tăng 12,4% so với cùng kỳ năm 2013. Như vậy, trạng thái cán cân thương mại của nền kinh tế trong quý I/2014 hiện đang khá tốt, cao nhất so với mức xuất siêu trong quý I kể từ năm 2010 trở lại đây. Nếu tình trạng này được tiếp diễn, mục tiêu thâm hụt cán cân thương mại cho năm 2014 hoàn toàn đạt được, hơn nữa cán cân thương mại thặng dư cũng góp phần làm cho tỷ giá hối đoái ổn định.

Nhìn chung, cán cân thương mại của Việt Nam có thể tiếp tục cải thiện trong năm 2014 nhờ những cơ hội mới (đi kèm cả thách thức mới) khi tiếp tục ký kết và thực hiện các hiệp định thương mại tự do (FTA) mới. Nổi bật nhất Hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) hiện có 12 nước tham gia đàm phán và Việt Nam có thể trở thành thành viên trong tương lai gần. Với mức độ tự do hóa sâu sắc và tổng quy mô kinh tế của các nước tham gia là rất lớn, TPP sẽ là cơ hội để các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng tiếp cận thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh. Xuất khẩu và GDP của Việt Nam có thể tăng thêm tương ứng 68 tỷ USD (hay 28,4%) và 36 tỷ USD (hay 10,5%) vào năm 2025 so với kịch bản nếu không tham gia TPP (tính theo giá 2007)¹⁷. Bên cạnh đó là cơ hội từ một

¹⁶ Đặc biệt là hiện tượng Samsung tại Bắc Ninh năm 2013 xuất khẩu đạt gần 24 tỷ USD.

¹⁷ Theo đánh giá của Petri và Plummer (2013).

loạt các FTA khác của Việt Nam với EU, Liên minh hải quan Nga - Belarus - Kazakhstan v.v...

Tuy vậy, các FTA cũng đi kèm với nhiều thách thức. Ở cấp độ ngành, nhiều phân tích cho rằng những ngành đang được bảo hộ cao như ngành lắp ráp ô tô hay những ngành có năng lực cạnh tranh kém hơn so với các nước thành viên của TPP như ngành chăn nuôi, sản phẩm nông nghiệp sẽ gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Bên cạnh đó, các ưu đãi trong TPP đòi hỏi đáp ứng quy định rất khắt khe về chứng nhận xuất xứ, bảo vệ môi trường v.v... Chẳng hạn, ngay cả khi TPP được coi là “cơ hội vàng” cho ngành dệt may Việt Nam, Hiệp định này cũng “yêu cầu các sản phẩm dệt may phải xuất phát từ sợi” và đây là rào cản kỹ thuật hạn chế hàng dệt may xuất khẩu của Việt Nam. Thay vào đó, Việt Nam chỉ là nơi đặt nhà máy sợi, dệt, nhuộm của các doanh nghiệp nước ngoài có mong muốn hưởng ưu đãi xuất khẩu theo TPP. Sự hiện diện của các doanh nghiệp này cũng tạo ra những thách thức đến môi trường mà Việt Nam sẽ phải đối mặt, xử lý kịp thời và hiệu quả để tránh lặp lại những vấn đề lớn về môi trường mà hiện nay Trung Quốc đang gặp phải. Ngành điện tử, máy tính và linh kiện cũng có thể xảy ra vấn đề tương tự, dù Việt Nam thu hút khá nhiều FDI vào lĩnh vực này và chủ yếu gia công để xuất khẩu. Chính ở đây, ưu đãi khi thu hút FDI vào các lĩnh vực cần phải được cân nhắc trong tư duy tổng thể về phát triển công nghiệp tập trung của Việt Nam. Bên cạnh đó, ta cũng cần có các nỗ lực tạo thuận lợi hóa thương mại, tăng cường kết nối trong chuỗi giá trị (nhất là các sản phẩm xuất khẩu chủ lực) và đơn giản hóa thủ tục nhằm cải thiện mức độ sử dụng ưu đãi theo các FTA. Việt Nam cũng cần có một chính sách tỷ giá linh hoạt hơn và một chiến lược tránh để đồng tiền Việt Nam bị định giá cao nhằm khuyến khích các doanh nghiệp gia tăng độ sâu chế biến trong các sản phẩm xuất khẩu và cạnh tranh với nhập khẩu.

Xu hướng cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam cũng sẽ được đẩy mạnh thêm nhờ những cơ hội mới từ “Chiến lược Trung Quốc + 1”, và gần đây là “Chiến lược Thái Lan + 1” của các tập đoàn đa quốc gia. Đã từ lâu, các tập đoàn quốc tế muốn tìm một nước ngoài Trung Quốc để tránh rủi ro cùng với xu hướng tiền công lao động gia tăng tại nước này, nhưng đồng thời địa điểm phải đủ gần để có thể bán sản phẩm vào thị trường Trung Quốc. Theo đó, Việt Nam hiện đang là lựa chọn ưu tiên số 1. Đã có nhiều tập đoàn công nghệ thông tin, điện tử viễn thông lớn của nước ngoài vào Việt Nam như Canon, Sony, Nokia và gần đây Samsung tăng mạnh đầu tư tại Việt Nam. Cơ hội sẽ còn rất lớn, song chính sách trong nước cần hướng mạnh mẽ hơn đến việc tận dụng các dòng đầu tư này để nâng cao đáng kể năng lực sản xuất và hàm lượng giá trị gia tăng trong nước. Cụ thể, cần một nỗ lực thúc đẩy và kết hợp hài hòa phát triển nguồn nhân lực (cả về kỹ năng và trình độ ngoại ngữ), cải thiện khả năng hấp thụ chuyển giao công nghệ của doanh nghiệp trong nước, đồng thời phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ một cách tập trung. Yêu cầu này càng trở nên bức thiết hơn trong bối cảnh các nước trong khu vực như Indonesia, Myanmar và Campuchia có sự chuyển dịch mạnh mẽ nhằm cạnh tranh thu hút các dòng vốn FDI.

Lao động và việc làm

Trong năm 2013 lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế ước đạt mức 52,4 triệu người (tăng khoảng 1,36% so với cùng kỳ của năm 2012). Trong đó, tỷ trọng lao động đang làm việc ở khu vực nông - lâm - thủy sản giảm 0,5 điểm phần trăm, còn ở khu vực công nghiệp và xây dựng thì tỷ lệ này giảm 0,1 điểm phần trăm so với năm 2012 (tương ứng chiếm tỷ trọng 46,9% và 21,1% tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong cùng kỳ). Dịch vụ là khu vực có đóng góp tích cực trong tạo việc làm cho lao động, với tỷ trọng trong tổng lao động lên tới mức 32% trong năm 2013; tăng 0,6 điểm phần trăm so với năm 2012. Theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế ngoài nhà nước hiện đang đóng góp lớn nhất vào tạo việc làm mới cho lao động từ 15 tuổi trở lên trong nửa cuối năm 2013.

Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm của lao động trong độ tuổi trong nửa cuối năm 2013 đều tăng nhẹ, tương ứng ở mức 2,2% và 2,77% (so với mức tương ứng 1,96% và 2,74% cùng kỳ năm 2012). Khu vực thành thị có tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi là 3,58% trong nửa cuối năm 2013, cao hơn mức bình quân chung của cả nước (2,2%), trong khi tỷ lệ thiếu việc làm (1,48%) lại thấp hơn mức bình quân chung cả nước (2,77%). Ở khu vực nông thôn, trong khi tỷ lệ thất nghiệp của lao động trong độ tuổi thấp hơn mức thất nghiệp bình quân chung của cả nước (1,57% so với 2,2%) thì tỷ lệ thiếu việc làm lại cao hơn so với mức bình quân chung cả nước (3,47% so với 2,77%). Đáng lưu ý, tỷ lệ thất nghiệp của tầng lớp thanh niên (từ 15-24 tuổi) trong nửa cuối năm 2013 đã lên tới mức 6,36%, thậm chí còn vượt 11,1% ở khu vực thành thị. Theo “Bản tin Cập nhật thị trường lao động Việt Nam, Số 1, Quý I năm 2014” của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, tiền lương bình quân tháng của lao động làm công ăn lương trong quý IV/2013 là 4,11 triệu đồng, tăng so với quý III/2013 (4,06 triệu đồng) nhưng không thay đổi so với cùng kỳ năm 2012, dẫn đến tiền lương thực tế (tức là tiền lương danh nghĩa sau khi đã điều chỉnh với tốc độ lạm phát) bị suy giảm do nền kinh tế vẫn tăng trưởng chậm.

Có một số nguyên nhân ảnh hưởng đến tình hình lao động và việc làm trong năm 2013, đó là:

Thứ nhất, tăng trưởng kinh tế trong nửa cuối năm 2013 vẫn thấp hơn kỳ vọng, đi kèm với sự khó khăn kéo dài mà cộng đồng doanh nghiệp phải đối mặt. Đây chính là nguyên nhân quan trọng khiến số lượng việc làm mới tăng chậm lại.

Thứ hai, số lượng doanh nghiệp đăng ký thành lập mới vẫn chủ yếu có quy mô nhỏ. Theo Cục Quản lý đăng ký kinh doanh của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong năm 2013 có 76.955 doanh nghiệp đăng ký mới (tăng 9,5% so với năm 2012) với số vốn đăng ký khoảng 15 tỷ USD (giảm 15,4% so với năm 2012). Như vậy, số doanh nghiệp thành lập mới chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và còn gặp nhiều khó khăn trong sản xuất - kinh doanh, chưa đủ sức thay thế những doanh nghiệp mất đi. Theo đó, quy mô việc làm mới được tạo ra trong khu vực doanh nghiệp là tương đối hạn chế.

Thứ ba, số lượng các doanh nghiệp gặp khó khăn phải dừng hoạt động

trong nửa cuối năm 2013 vẫn ở mức khá cao. Theo Cục Quản lý Đăng ký Kinh doanh, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến hết tháng 12/2013, số doanh nghiệp giải thể, tạm ngừng hoạt động lên đến 60.737 doanh nghiệp, tăng 8,4% so với cùng kỳ năm 2012. Nhiều biện pháp ứng phó được triển khai như giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thực hiện gói tín dụng 30.000 tỷ đồng v.v... song chưa phát huy hiệu quả như mong đợi, khiến hoạt động sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp còn gặp rất nhiều khó khăn.

Phản ứng chính sách kinh tế vĩ mô trong nửa cuối năm 2013

Chính sách tiền tệ

Trong suốt 6 tháng cuối năm 2013, tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng cho nền kinh tế hầu như chỉ tăng rất chậm. Tính đến thời điểm ngày 12/12/2013, tổng phương tiện thanh toán và tín dụng cho nền kinh tế chỉ tăng trưởng tương ứng là tăng 14,64% và 8,83% so với thời điểm cuối năm 2012. Tuy nhiên, chỉ trong hơn 2 tuần cuối năm 2013, tổng phương tiện thanh toán và dư nợ tín dụng đã được thúc đẩy nhiều hơn. Đến ngày 31/12/2013, tăng trưởng tổng phương tiện thanh toán và tăng trưởng tín dụng lần lượt đạt các mức 18,51% và 12,51% so với thời điểm cuối năm 2012. Sang quý I năm 2014, cho đến ngày 31/3, tín dụng đã tăng 1% so với cuối tháng 2 và tăng 0,01% so với cuối năm 2013.

Song hành với chiều hướng đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng là việc điều chỉnh cơ cấu phân bổ tín dụng hướng chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất cũng như chú trọng cải thiện hiệu quả sử dụng vốn tín dụng trong nửa cuối năm 2013. Đến cuối tháng 10/2013, tín dụng cho các lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp và xây dựng đã lần lượt tăng 17,22% và 11,75% so với cuối năm 2012.

Tỷ giá và lãi suất nhìn chung khá ổn định trong nửa cuối năm 2013. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã thực hiện khá tốt công tác thông tin, giải trình về định hướng chính sách nhằm tránh các kỳ vọng, đồn đoán bất lợi trên thị trường về tỷ giá, lãi suất. Đồng thời, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tập trung nhiều hơn vào xử lý nợ xấu và cải thiện thanh khoản của hệ thống ngân hàng thương mại, bình ổn thị trường vàng và thị trường ngoại hối, đồng thời nâng cao đáng kể dự trữ ngoại hối quốc gia.

Tuy nhiên, nợ xấu vẫn tăng trong nửa cuối năm 2013. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỷ lệ nợ xấu trong tổng dư nợ của toàn hệ thống ngân hàng đã tăng gần như liên tục từ mức 4,46% vào tháng 6 lên 4,62% vào tháng 9 và 4,73% vào tháng 10.

Chính sách tài khóa

Nếu chỉ nhìn kết quả đến cuối năm 2013 thì chính sách tài khóa dường như không có nhiều vấn đề khi thu ngân sách nhà nước vượt so với dự toán và thâm hụt ngân sách nhà nước trong mức cho phép. Tuy vậy, thực tế diễn biến trong nửa cuối năm 2013 cho thấy việc điều hành chính sách tài khóa gặp rất nhiều thách thức, đòi hỏi nỗ lực rất lớn của Chính phủ. Mức thu ngân sách đến tháng 9 và tháng 11 chỉ lần lượt đạt 62,5% và 80,6% dự toán cả năm, và kết quả vượt thu so với dự toán chỉ được hiện

thực hóa vào thời điểm cuối năm. Trong khi đó, chi ngân sách phải tăng lên đáng kể nhằm bảo đảm an sinh xã hội và tạo nền tảng cho phục hồi kinh tế. Chính vì vậy, Chính phủ đã trình Quốc hội phê duyệt đề xuất nâng trần bội chi ngân sách từ 4,8% GDP lên 5,3% GDP cho giai đoạn 2013-2014 và phát hành bổ sung 170 nghìn tỷ đồng trái phiếu Chính phủ cho giai đoạn 2014-2016.

Nhìn chung, định hướng điều hành chính sách tài khóa nói trên tương đối hợp lý trong bối cảnh nền kinh tế đối mặt với suy giảm. Tuy nhiên, công tác thông tin giải trình về tình hình thu ngân sách - rất chậm trong 11 tháng đầu năm và rất nhanh trong tháng 12 - dường như chưa thực sự hiệu quả, phần nào gây ra quan ngại về tính cần thiết của việc nâng trần bội chi ngân sách nhà nước lên 5,3% GDP. Bên cạnh đó, tác động ròng của chính sách thu ngân sách đối với hoạt động sản xuất - kinh doanh còn chưa thực sự rõ ràng, do tác động trái chiều giữa miễn giảm thuế và tăng thu từ thuế. Hơn nữa, lạm phát rất nhạy với các biện pháp nới lỏng tiền tệ và tài khóa nới lỏng ở nước ta trong thời gian qua, trong khi định hướng bổ sung nguồn lực cho đầu tư công có thể gây ấn tượng rằng Chính phủ đang ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thay vì tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô.

Hiệu quả của chính sách tài khóa và đầu tư công sẽ cao hơn nếu có các chính sách và động lực phù hợp để hướng các hoạt động này vào cải thiện năng lực sản xuất của nền kinh tế. Nếu không, gia tăng đầu tư công sẽ đi kèm với tăng thâm hụt ngân sách, thâm hụt cán cân thương mại và rủi ro đối với lạm phát. Nhìn chung, tác động của việc tăng bội chi ngân sách và phát hành bổ sung trái phiếu Chính phủ đối với lạm phát và tăng trưởng kinh tế sẽ phụ thuộc vào 3 kịch bản dưới đây:

Kịch bản 1: Nếu thâm hụt ngân sách được bù đắp bằng vay nợ (phát hành trái phiếu Chính phủ nhưng không đi kèm với quá trình tạo tiền từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam) và không đi kèm với chính sách tiền tệ nới lỏng hỗ trợ, rủi ro lạm phát là rất thấp nhưng đi kèm với đó tốc độ tăng trưởng cũng không cao. Về lý thuyết, đầu tư công sẽ chèn lấn hoạt động đầu tư của khu vực tư nhân. Tuy nhiên, trong bối cảnh cầu đầu tư của khu vực doanh nghiệp yếu dưới tác động của vấn đề nợ xấu, mức độ chèn lấn sẽ không lớn. Nếu đầu tư công được thực hiện hiệu quả, tập trung vào các dự án hạ tầng trọng điểm thì còn có khả năng kích hoạt đầu tư của khu vực doanh nghiệp.

Kịch bản 2: Nếu thâm hụt ngân sách được bù đắp bằng phát hành trái phiếu Chính phủ nhưng lại được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mua lại và thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng đi kèm, tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể cao hơn so với kịch bản 1 nhưng lạm phát và thâm hụt cán cân vãng lai cũng sẽ cao hơn. Kịch bản này có khả năng xảy ra nhất, song rủi ro đối với nền kinh tế là rất lớn trong khi tác động đối với tăng trưởng kinh tế không cao¹⁸.

Kịch bản 3: Thâm hụt ngân sách diễn biến theo đúng kế hoạch và chính sách tiền tệ nới lỏng có thể hỗ trợ để làm cho nền kinh tế phục hồi nhanh

¹⁸ Ước lượng của Nguyễn Anh Dương (2013) cho thấy khi dùng toàn bộ 0,5% GDP thêm từ nâng trần bội chi ngân sách nhà nước cho đầu tư công và khoản này giải ngân nhanh, mang lại tác động ngay thì tăng trưởng GDP có thể cũng chỉ tăng thêm 0,057 - 0,086 điểm phần trăm trong năm 2014.

hơn. Tuy nhiên, để giảm thiểu rủi ro lạm phát, các hướng tái cấu trúc cần phải thực hiện một cách quyết liệt, nhanh chóng để tăng đáng kể năng lực sản xuất của nền kinh tế, giảm áp lực lên nhập khẩu và lạm phát. Tuy nhiên, kịch bản này đòi hỏi những thay đổi căn bản trong phương thức điều hành, tái cấu trúc nền kinh tế - vốn là một quá trình phức tạp, đòi hỏi vượt qua rào cản của các nhóm lợi ích cũng như có sự phối hợp đồng bộ của các bộ, ngành.

Triển vọng kinh tế thế giới năm 2014

Theo IMF, kinh tế toàn cầu dự báo sẽ tăng trưởng khoảng 3,7%, các nền kinh tế phát triển sẽ tăng trưởng khoảng 2,2%, còn các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi tăng trưởng khoảng 5,1% trong năm 2014¹⁹. Quan trọng hơn, kinh tế thế giới đang thoát dần ra khỏi “bẫy tăng trưởng thấp” khi niềm tin của các nhà đầu tư và hộ gia đình từng bước phục hồi. Thương mại thế giới sẽ tăng trưởng khởi sắc hơn, có thể đạt mức 4,5% năm 2014²⁰. Vòng đàm phán Đô-ha bắt đầu có những chuyển biến và các nỗ lực đàm phán thương mại đa phương, khu vực và song phương dự kiến hoàn tất trong năm 2014 có thể thúc đẩy hoạt động thương mại hơn nữa. Với việc các nền kinh tế phát triển sẽ khởi sắc hơn, các hoạt động sản xuất công nghiệp có xu hướng phục hồi và giá cả một số nguyên vật liệu đầu vào như kim loại, khoáng sản, nhiên liệu v.v... có thể tăng nhẹ. Theo đó, các nước xuất khẩu các mặt hàng này sẽ được hưởng lợi.

Tình hình lạm phát nhìn chung vẫn được kiểm soát do nhu cầu đối với hàng hóa, nguyên vật liệu và năng lượng tăng chậm trong bối cảnh nền kinh tế thế giới phục hồi chưa nhanh như kỳ vọng. Thậm chí, IMF cảnh báo các nền kinh tế phát triển có thể phải đứng trước tình trạng giảm phát²¹. Sức ép lạm phát lớn hơn ở các nền kinh tế mới nổi, nhất là khi đồng tiền của các nền kinh tế này (trừ Trung Quốc) đang mất giá, đẩy giá hàng hóa và dịch vụ nhập khẩu lên cao.

Việc làm và an sinh xã hội tiếp tục là nỗi lo của nhiều nước trong năm 2014. Tình trạng thất nghiệp kéo dài trong bối cảnh kinh tế chậm phục hồi không chỉ kéo theo nhiều hệ lụy xã hội mà còn đang xói mòn kỹ năng của người lao động, tạo ra gánh nặng đối với hệ thống trợ cấp thất nghiệp và an sinh xã hội ở nhiều nước. Vấn đề thất nghiệp của giới trẻ đang trở nên đáng lo ngại hơn, đặc biệt tại châu Âu, thậm chí có nguy cơ tạo ra một cuộc khủng hoảng xã hội mới khi phải đối mặt thêm với sức ép về di dân và mở cửa biên giới.

Thị trường tài chính toàn cầu có thể phát triển lành mạnh hơn trong năm 2014. Việc FED rút bỏ dần các biện pháp nới lỏng định lượng theo một lộ trình công khai khó đi kèm với những cú sốc lớn trên thị trường chứng khoán toàn cầu, dù tiềm ẩn những tác động tiêu cực đối với các nền kinh tế mới nổi do đồng USD tăng giá trong ngắn hạn và dòng vốn chảy ra ngoài nước Mỹ đảo chiều. Tuy nhiên, dự kiến lãi suất điều hành của Mỹ

¹⁹ IMF. 2014. Cập nhật Triển vọng Kinh tế Thế giới. Tháng 1.

²⁰ IMF. 2014. Đã dẫn.

²¹ IMF. 2014. Đã dẫn.

vẫn sẽ ở mức thấp do lạm phát được kiểm chế dưới 2,5% và tỷ lệ thất nghiệp có thể vẫn còn cao hơn 6,5% cho đến năm 2016.

Mặc dù vậy, các nền kinh tế phát triển vẫn đứng trước những rủi ro tài chính không nhỏ trong năm 2014. Khủng hoảng nợ công được đẩy lùi, song bất ổn và trì trệ của nền kinh tế khu vực đồng Euro tiếp tục là mối lo ngại đối với kinh tế toàn cầu. Nợ công vẫn là nguy cơ đối với một số nền kinh tế lớn. Quan điểm khác biệt của các đảng chính trị xung quanh vấn đề nợ công và trần ngân sách của Mỹ đã từng gây ra những cuộc khủng hoảng nhỏ trong năm 2013 và có thể sẽ lặp lại trong năm 2014 do những giải pháp đến nay chỉ mang tính chất trì hoãn tạm thời.

Trong khi đó, tăng trưởng của các nền kinh tế đang phát triển tiếp tục dựa chủ yếu vào thị trường nội địa. Theo khuyến nghị của các tổ chức quốc tế như WB, IMF và UN, các nền kinh tế này nên tiếp tục củng cố đà phục hồi tăng trưởng, song hành với chính sách vĩ mô thận trọng nhằm tạo dựng, củng cố “dự địa” cho các chính sách tài khóa và tiền tệ để có thể đối phó với các rủi ro sau này. Đặc biệt, các nước đang phát triển cần cân nhắc tiến hành những cải cách dài hạn hơn, tập trung vào cải thiện năng lực sản xuất và năng suất lao động. Đây sẽ là nền tảng để đẩy nhanh phục hồi kinh tế và hướng tới phát triển bền vững.

Triển vọng giá dầu thô thế giới năm 2014

Giá dầu thô trên thị trường thế giới đã có xu hướng giảm nhẹ trong nửa cuối quý IV/2013 và được dự báo sẽ biến động nhẹ trong quý I/2014. Diễn biến này là do tăng trưởng kinh tế toàn cầu (và đặc biệt là ở khu vực đồng Euro và Trung Quốc) phục hồi chậm, qua đó làm giảm nhu cầu đối với năng lượng và nhiên liệu; đồng thời, nguồn cung dầu thô trên thế giới tăng mạnh trong nửa cuối của năm 2013 và nhiều khả năng sẽ tiếp tục tăng trong nửa đầu của năm 2014. Giá dầu Brent trên thị trường dầu mỏ thế giới dự báo sẽ tăng nhẹ lên mức gần 97,8 USD vào giữa quý II/2014.

Bảng 3. Dự báo giá dầu thô trung bình tháng (USD/thùng)

<i>Tháng</i>	<i>Giá dự báo</i>	<i>Độ tin cậy 50% (±)</i>	<i>Độ tin cậy 80% (±)</i>
2/2014	100,82	0,0	0,0
3/2014	97,7	1,9	4,3
4/2014	94,8	2,7	6,1
5/2014	97,8	3,4	7,5
6/2014	102,2	3,9	8,7
7/2014	107,3	4,3	9,7
8/2014	111,0	4,8	10,6

Nguồn: West Texas Intermediate <http://www.forecasts.org/oil.htm>, cập nhật ngày 6/3/2014.

Rủi ro với các đồng tiền “ngang hàng”

Một xu hướng mới nổi lên trong thời gian gần đây là sự xuất hiện ngày càng nhiều các đồng tiền “ngang hàng”, với mức độ phổ biến và sự quan tâm ngày càng lớn. Khác với các đồng tiền truyền thống, các đồng tiền “ngang hàng” không do một thực thể duy nhất chịu trách nhiệm phát hành, bảo đảm và thực hiện chức năng thanh toán bù trừ. Các đồng tiền này có được nhờ nỗ lực “khai thác” của thành viên tham gia mạng máy tính ngang hàng, với mức độ khó khăn tăng dần theo số thành viên và số tiền đào được giảm dần theo thời gian. Có nhiều loại tiền “ngang hàng” như vậy, phổ biến nhất cho đến nay là Bitcoin với nhiều diễn biến tăng giảm khá mạnh trong thời gian gần đây.

Sự xuất hiện của các đồng tiền “ngang hàng” nói chung và Bitcoin nói riêng gặp phải nhiều phản ứng khác nhau. Một số ít quốc gia như Đức và Singapore công nhận đồng Bitcoin, nhiều sàn giao dịch Bitcoin có quy mô lớn và nhiều doanh nghiệp chấp nhận thanh toán bằng đồng tiền này. Tuy nhiên, hầu hết các quốc gia - trong đó có Việt Nam - đã tuyên bố cấm hoặc không bảo trợ các đồng tiền “ngang hàng” (ví dụ Bitcoin) như một phương tiện thanh toán. Các lý do chính cho lệnh cấm này là việc các đồng tiền này có thể phục vụ hoạt động rửa tiền, tài trợ cho khủng bố v.v... trong khi chịu rủi ro bị ăn cắp qua mạng. Rủi ro đối với hệ thống tài chính quốc tế giảm dần, song rủi ro đối với các nhà đầu tư đã tham gia đào và giao dịch các đồng tiền này ngày càng lớn hơn, nhất là sau khi sàn giao dịch Mt.Gox tuyên bố phá sản.

Tuy nhiên, trên thực tế sự phát triển và phổ biến của đồng tiền “ngang hàng” như Bitcoin vẫn ngày càng lớn mạnh. Nhiều dịch vụ như thanh toán học phí, mua bán qua mạng, thanh toán một số hàng hóa như cà phê, máy đổi tiền sang Bitcoin v.v... vẫn tồn tại và nằm ngoài ý chí chủ quan của cơ quan quản lý cũng như các ngân hàng trung ương. Do đó điều cần làm hiện tại là đánh giá sớm và đầy đủ những tác động có thể của tiền “ngang hàng” và chuẩn bị các chiến lược “ứng phó” chủ động.

Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2014

Trong năm 2014, nền kinh tế nói chung và hoạt động thương mại nói riêng sẽ đón nhận cơ hội nhiều hơn khó khăn và thách thức. Đáng lưu ý, sau một thời gian dài biến động giữa bất ổn kinh tế vĩ mô và suy giảm kinh tế, nền kinh tế đã trở nên ổn định hơn do kết hợp cả những nỗ lực của Chính phủ và thuận lợi từ phía quốc tế. Trong khi đó, việc tham gia một loạt các FTA có ý nghĩa quan trọng - trong đó có TPP và FTA với EU - sẽ mang lại nhiều cơ hội tiếp cận thị trường, thu hút vốn đầu tư. Tuy nhiên, xuất khẩu, nhất là các sản phẩm thâm dụng lao động và/hoặc đầu vào từ nhập khẩu và/hoặc ở khu vực đầu tư trực tiếp nước ngoài, chủ yếu dựa trên lợi thế so sánh “tĩnh” trong khi chưa góp phần đáng kể để tạo thành lợi thế so sánh “động”.²²

Quan trọng hơn, quá trình hội nhập quốc tế sâu rộng tiếp tục tăng thêm áp lực buộc nước ta phải tiến hành cải cách sâu rộng hơn nữa. Chính ở

²² Lợi thế so sánh tĩnh là lợi thế sẵn có như tài nguyên, lao động giá rẻ v.v...; lợi thế so sánh động dựa vào các yếu tố mang tính chất lượng, tạo ra giá trị gia tăng cao hơn từ công nghệ, nguồn nhân lực chất lượng cao v.v...

đây, Chính phủ cần chủ động cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh hơn nữa, song song với với tư duy chính sách hướng đến phát triển công nghiệp tập trung và gắn với sự tham gia sâu rộng vào mạng sản xuất khu vực và toàn cầu. Trên một phương diện khác, Chính phủ cần tiếp tục nâng cao năng lực hấp thụ tác động lan tỏa tích cực từ các dự án FDI, nhờ thúc đẩy chuyển giao công nghệ từ các công ty FDI sang các doanh nghiệp trong nước và nâng cao kỹ năng của người lao động, nhất là ở các khu công nghiệp tập trung có sự tham gia của các tập đoàn nước ngoài. Bài học sau 7 năm gia nhập Tổ chức thương mại Thế giới (WTO) cho thấy chủ động mở cửa hội nhập chỉ là điều kiện cần; các cơ hội chỉ được hiện thực hóa cho phát triển kinh tế - xã hội nếu nước ta tiếp tục duy trì được đà cải cách trong nước với lộ trình phù hợp.

■ *Tăng trưởng kinh tế Việt Nam nhiều khả năng sẽ khó đạt mục tiêu năm 2014*: mặc dù các động lực tăng trưởng kinh tế ngắn hạn của Việt Nam vẫn bị ràng buộc chặt nhưng đã có một số chuyển biến tích cực không chỉ trong cải thiện tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế mà còn cải thiện cả chất lượng tín dụng và hiệu quả đầu tư. Cụ thể, hệ số ICOR năm 2013 cho dù vẫn cao nhưng đã có chiều hướng giảm dần so với 3 năm trước đó. Theo đó, tăng trưởng kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ đạt mức 5,71% vào năm 2014 (biến thiên trong khoảng tin cậy từ cận dưới 5,35% tới cận trên 6,07% với độ tin cậy 80%) và rồi sẽ dần hồi phục lên mức 5,98% trong năm 2015 tính theo giá so sánh năm 2010.

■ *Lạm phát của Việt Nam nhiều khả năng sẽ dưới mức 7% trong năm 2014*: trong bối cảnh tổng cầu nói chung và cầu trong nước nói riêng chậm hồi phục, áp lực đối với lạm phát sẽ chủ yếu từ các nhân tố chi phí đẩy. Giá các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu vẫn tiếp tục được điều chỉnh, song ít có biến động lớn như các năm trước. Bên cạnh đó, quá trình điều chỉnh giá cũng minh bạch hơn với việc công khai lộ trình điều chỉnh giá các mặt hàng thiết yếu giai đoạn 2014-2015 theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước. Tỷ giá hối đoái sẽ tiếp tục được giữ ổn định, với biến động giảm giá VND không vượt quá 2% năm 2014 theo công bố của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Đồng thời, giá nhiều mặt hàng trên thị trường quốc tế dự báo sẽ giảm mạnh, qua đó giảm áp lực tăng giá trong nước. Theo đó, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam dự báo đạt 6,84% năm 2014 (biến thiên trong khoảng tin cậy từ cận dưới 5,53% tới cận trên 8,21% với độ tin cậy 80%) và sẽ tăng nhẹ lên mức 7,08% năm 2015 (biến thiên trong khoảng tin cậy từ cận dưới 5,71% tới cận trên 8,45% với độ tin cậy 80%).

Nếu ưu tiên mạnh mẽ mục tiêu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế thì tỷ lệ lạm phát năm 2014 có thể sẽ cao hơn. Tuy vậy, nếu muốn kiềm chế lạm phát ở mức 6% thì chính sách kinh tế vĩ mô phải tập trung hạn chế cả các yếu tố “câu kéo” và “chi phí đẩy”, qua đó có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế.

■ *Tỷ lệ thất nghiệp ở đô thị của Việt Nam tiếp tục có xu hướng giảm năm 2014*: do tăng trưởng kinh tế hồi phục ở mức độ khiêm tốn trong năm

¹⁷ Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự nợ tín dụng đối với nền kinh tế 9 tháng đầu năm 2013 ước tăng 6,4-6,8%, cao hơn nhiều so với mức tăng 2,5% của cùng kỳ năm trước. Tổng phương tiện thanh toán (M2) ước đến cuối tháng 9 tăng khoảng 12,5-13% so với tháng 12/2012, tương đương với mức tăng cùng kỳ năm 2012.

¹⁸ Tốc độ lưu thông tiền tệ đã giảm mạnh từ 3,84 năm 1997 xuống tới mức 0,92 năm 2008 và tiếp tục giảm mạnh xuống chỉ còn ở mức 0,8 trong năm 2012.

2014 và cơ cấu phân bổ tín dụng ưu tiên hơn đến các lĩnh vực nông nghiệp và/hoặc sử dụng nhiều lao động, tỷ lệ thất nghiệp của Việt Nam dự báo sẽ giảm nhẹ. Đáng lưu ý là tỷ lệ thất nghiệp trong độ tuổi ở khu vực đô thị của Việt Nam sẽ giảm nhanh hơn, dự báo sẽ giảm còn 3,34% vào năm 2014 (với độ tin cậy 80%) và sẽ ở mức 3,06% trong năm 2015 (với độ tin cậy 80%).

KHUYẾN NGHỊ CHÍNH SÁCH

Trên cơ sở phân tích tình hình kinh tế thế giới và trong nước nửa cuối năm 2013 và quý I năm 2014, cũng như dự báo triển vọng của nền kinh tế trong các năm 2014 và 2015, có thể đưa ra một số khuyến nghị chính sách như sau:

Thứ nhất, đổi mới và hoàn thiện thể chế kinh tế, đặc biệt là việc triển khai Hiến pháp 2013; đẩy mạnh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế theo 3 hướng chính đã đề ra từ năm 2011. Kinh tế vĩ mô cơ bản đã ổn định. Tỷ lệ lạm phát duy trì ở mức thấp và kỳ vọng lạm phát đã giảm đáng kể, tốc độ tăng trưởng kinh tế hợp lý, cán cân thương mại cân bằng hơn, nợ xấu trong tầm kiểm soát. Vì thế, năm 2014 là thời điểm thích hợp để đẩy nhanh quá trình tái cơ cấu nền kinh tế trong 3 lĩnh vực: đầu tư công, doanh nghiệp nhà nước và ngân hàng thương mại. Nỗ lực đổi mới thể chế trên nền tảng Hiến pháp mới và thông điệp Thủ tướng Chính phủ đưa ra từ đầu năm 2014 - là rất cần thiết nhằm thay đổi hệ thống động lực, từ đó nâng cao hiệu quả nền kinh tế với sự tham gia sâu rộng và tích cực hơn của khu vực tư nhân, tạo ra một môi trường cạnh tranh bình đẳng và giảm thiểu tác động tiêu cực của các nhóm lợi ích, qua đó tạo đà cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững trong trung và dài hạn.

Thứ hai, công tác thông tin - truyền thông trong quá trình điều hành và thực hiện tái cấu trúc nền kinh tế cũng cần được chú trọng nhằm nâng cao sự đồng thuận trong xã hội đối với các công việc của Chính phủ. Chính phủ có thể định kỳ 3 tháng hay 6 tháng công bố minh bạch tiến độ thực hiện các bước tái cấu trúc của 3 lĩnh vực, trong đó nêu lên những bước đã đạt được, những công việc chưa đạt được, những khó khăn v.v... Từ đó, người dân, cộng đồng doanh nghiệp, giới nghiên cứu và các nhà quản lý có thể nắm được tình hình, hiểu được các khó khăn (bên trong cũng như bên ngoài) trong quá trình triển khai thực hiện, có thêm niềm tin và góp phần tạo nên những sáng kiến trong việc đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc nền kinh tế.

Thứ ba, cần sắp xếp lại các thị trường đầu vào quan trọng với cơ chế điều tiết và giám sát phù hợp nhằm nâng cao tính cạnh tranh, tính minh bạch và ổn định tại các thị trường đó. Trong những năm qua, nền kinh tế chịu tác động khá lớn từ những lần điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ thiết yếu thông qua các biện pháp hành chính. Trong nhiều trường hợp, việc điều chỉnh giá còn thiếu giải trình phù hợp, thiếu minh bạch, thậm chí còn thiếu nhất quán với những thông tin, phát biểu trước đó từ cơ quan chức năng. Điều này làm giảm hiệu quả tác động vào kỳ vọng lạm phát, trong khi còn ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin của thị trường vào chính sách. Theo đó, cần gia tăng áp lực cạnh tranh trên các thị trường này nhằm buộc các doanh nghiệp có liên quan đẩy mạnh cắt giảm chi phí và gia tăng tốc độ cải tiến công nghệ, qua đó có thể đương đầu tốt hơn với quá trình toàn cầu hóa đang diễn ra với nhịp độ nhanh

hơn, đồng thời giúp giảm được các méo mó đối với sự phát triển của các ngành liên quan.

Thứ tư, cần có nhóm chính sách trung và dài hạn để tận dụng các cơ hội từ các khu vực mậu dịch tự do (FTA) - trong đó có TPP và FTA với EU và Chiến lược Trung Quốc + 1 của các tập đoàn đa quốc gia. Cụ thể:

- *Phát triển công nghiệp hỗ trợ và cụm công nghiệp để tận dụng tối đa cơ hội tham gia TPP và các FTA, tạo điều kiện cho hợp tác phát triển cụm công nghiệp với các đối tác phù hợp, qua đó chuyển dịch dần cơ cấu kinh tế sang các ngành có hàm lượng công nghệ cao hơn và/hoặc có hàm lượng giá trị gia tăng đáng kể. Nỗ lực theo hướng này sẽ góp phần giúp các doanh nghiệp Việt Nam tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị phù hợp, đồng thời cải thiện độ hấp dẫn của Việt Nam với các nhà đầu tư tiềm năng, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia.*
- *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và đẩy mạnh chuyển giao công nghệ: Tư duy hợp tác phát triển công nghiệp tập trung đòi hỏi phải có nỗ lực phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng và số lượng phù hợp. Theo đó, thu hút người Việt Nam ở nước ngoài hoặc các kỹ sư đào tạo bài bản ở nước ngoài đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ và hấp thụ tác động lan tỏa tích cực từ các dự án FDI, kết hợp với đó là đào tạo có chọn lọc một tầng lớp kỹ sư công nghệ cao nhằm đáp ứng yêu cầu tiếp nhận công nghệ cao hiện nay.*
- *Thúc đẩy thuận lợi hóa thương mại, đầu tư hiệu quả vào cơ sở hạ tầng và thúc đẩy quá trình đô thị một cách khoa học để có thể giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế của Việt Nam, qua đó giúp đất nước tận dụng tối đa các cơ hội do hội nhập quốc tế mang lại*
- *Áp dụng và thực thi hiệu quả pháp luật về môi trường để bảo đảm tăng trưởng bền vững trong bối cảnh có sự gia tăng đột biến của dòng vốn FDI vào các ngành sợi, dệt, nhuộm v.v... nhằm đón đầu TPP. Đây là những ngành có nghiều khả năng gây ô nhiễm, với cái giá phải trả lớn như đã diễn ra ở một số nước sau một giai đoạn tăng trưởng nóng.*

**Dự án “Hỗ trợ nâng cao năng lực tham mưu,
thẩm tra và giám sát chính sách kinh tế vĩ mô”**

ỦY BAN KINH TẾ CỦA QUỐC HỘI

37 Hùng Vương, Ba Đình, Hà Nội

www.ecna.gov.vn